ÔN TẬP VỀ VĂN HỌC

(Học kì II)

I – BÀI TẬP

A – VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI KÌ TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Nêu tên và giải thích ba đặc điểm cơ bản của thời kì văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

2. Lập bảng hệ thống hoá tri thức về các tác phẩm văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao* theo lịch sử, chữ viết và thể loại.

Giai đoạn hiện đại hoá	Tên tác gia, tác phẩm	Hán hay Nôm	Thể loại	Thể thơ hay thể văn cụ thể
1900 - 1920				
1920 - 1930				
1930 - 1945				

3. So sánh ba bài thơ : *Lưu biệt khi xuất dương* của Phan Bội Châu, *Hầu Trời* của Tản Đà, *Vội vàng* của Xuân Diệu, chỉ ra những điểm khác nhau của ba tác phẩm như là sự thể hiện những dấu hiệu khác nhau của ba chặng đường hiện đại hoá của thơ ca Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX.

4. Tư tưởng nghệ thuật cơ bản của Nam Cao qua hai tác phẩm *Chí Phèo* và *Đời thừa*.

5. Những nét tương đồng và khác biệt trong nghệ thuật trào phúng của Vũ Trọng Phụng, của Nguyễn Công Hoan qua đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia* (trong tiểu thuyết *Số đỏ*) và truyện ngắn *Tinh thần thể dục*.

6. Những nét đặc sắc khác nhau của hai truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân và *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam.

7. Xuân Diệu với niềm khát khao giao cảm với đời qua các bài thơ *Vội vàng*, *Đây mùa thu tới*, *Thơ duyên*.

8. Khuynh hướng cảm hứng khác nhau của Hàn Mặc Tử, Huy Cận, Nguyễn Bính qua các bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ*, *Tràng giang*, *Tương tư*.

9. Sự khác nhau về mặt thể loại giữa hai bài nghị luận *Về luân lí xã hội ở nước ta* của Phan Châu Trinh và *Một thời đại trong thi ca* của Hoài Thanh.

10. Anh (chị) hãy cho biết hoàn cảnh ra đời, nội dung cơ bản, đặc trưng thể loại, phong cách nghệ thuật của *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh.

11. Chủ nghĩa nhân đạo của Hồ Chí Minh trong bài *Chiều tối*.

12. Nghệ thuật châm biếm độc đáo của bài thơ *Lai Tân*.

B – VỀ VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

13. Những đặc sắc khác nhau về nghệ thuật trần thuật trong các đoạn trích *Người cầm quyền khôi phục uy quyền* (tiểu thuyết *Những người khốn khổ*) của Huy-gô, *Đám tang lão Gô-ri-ô* (tiểu thuyết *Lão Gô-ri-ô*) của Ban-dắc và trong truyện ngắn *Người trong bao* của Sê-khốp.

14. Vẻ đẹp của tình yêu trong các bài thơ *Tôi yêu em* của Pu-skin, *Bài thơ số 28* của Ta-go và trong đoạn trích *Tình yêu và thù hận* (kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* của Sếch-xpia).

II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Nêu tên ba đặc điểm ; trình bày nội dung mỗi đặc điểm ; giải thích cơ sở xã hội – lịch sử và tâm lí xã hội dẫn tới sự ra đời mỗi đặc điểm.

Chú ý khái niệm văn học hiện đại hoá hiểu theo nghĩa thoát ra khỏi hệ thống thi pháp văn học trung đại.

2. Điền tên tác gia, tác phẩm vào đúng vị trí trong biểu mẫu.

3. Ba bài thơ đánh dấu ba chặng đường hiện đại hoá của văn học đầu thế kỉ XX.

Lưu biệt khi xuất dương của Phan Bội Châu (giai đoạn 1900 - 1920) : Vẫn viết bằng chữ Hán và theo thi pháp thơ trung đại.

Hầu Trời của Tản Đà (giai đoạn 1920 - 1930) tính chất quá độ thể hiện ở *cái ngông* có màu sắc cá nhân, ở chất lãng mạn phóng túng, ở quan niệm mới về nghề văn. Thơ chia khổ. Tuy vậy, nhân vật trữ tình vẫn có cái ung dung tự tại kiểu trượng phu, quân tử, vẫn là con người của vũ trụ, càn khôn.

Vội vàng : Một bài thơ vào loại tiêu biểu nhất của Xuân Diệu – nhà thơ "mới nhất" (Hoài Thanh) của phong trào Thơ mới. Được giải phóng hoàn toàn về tình cảm, cảm xúc, *cái tôi* thơ mới say sưa bộc lộ niềm khát khao giao cảm hết mình với cuộc đời – cuộc đời hiểu theo nghĩa trần thế nhất. Nhà thơ muốn buộc thời gian lại trong giây phút hiện tại để tận hưởng cuộc đời – vì chỉ hiện tại mới là có thực. Thoát hẳn ra khỏi hệ thống ước lệ có tính chất phi ngã của thơ ca cũ, nhà thơ nhìn đời bằng đôi mắt tươi trẻ – Xuân Diệu gọi là đôi mắt "xanh non", sung sướng phát hiện ra biết bao vẻ đẹp đầy xuân tình, xuân sắc của thế giới quanh mình – hoá ra thiên đường có ngay trên mặt đất này.

4. *Chí Phèo* và *Đời thừa* viết về hai đề tài, về hai tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng đều đề cập đến thân phận con người, tuy cùng có khát vọng sống lành mạnh, nhưng đều bị xã hội đẩy tới chỗ không giữ được nhân tính, nhân phẩm chỉ vì đói nghèo.

5. Sự tương đồng và khác biệt giữa hai tài năng trào phúng :

– Tương đồng : Cả hai tác giả Nguyễn Công Hoan và Vũ Trọng Phụng đều dùng thủ pháp phóng đại và lối giễu nhại.

– Khác biệt : Nguyễn Công Hoan sở trường về nghệ thuật trần thuật hấp dẫn, đầy kịch tính. Vũ Trọng Phụng sở trường về nghệ thuật khắc hoạ nhân vật trào phúng sinh động, đầy cá tính, bằng cách tóm lấy vài nét đặc trưng có tính hài hước của nhân vật và phóng đại lên.

6. *Chữ người tử tù* ca ngợi vẻ đẹp của quá khứ "vang bóng một thời", trong đó tác giả chủ yếu dùng thủ pháp đối lập : đối lập tài hoa, thiên lương với sự thô bỉ, tục tằn và tội ác ; đối lập ánh sáng, cái đẹp với bóng tối và sự nhơ bẩn,... tạo nên những cảnh tượng độc đáo và tráng lệ.

Hai đứa trẻ là loại truyện không có chuyện, đi sâu khám phá nội tâm thầm kín của những con người nhỏ bé sống trong buồn chán và tối tăm, chỉ còn biết mơ ước có một chuyến tàu hằng đêm đi qua cuộc đời mình.

7. Niềm khao khát giao cảm với đời của Xuân Diệu : ở *Vội vàng* là lòng yêu đời, yêu cuộc sống sôi nổi cuồng nhiệt ; ở *Đây mùa thu tới* là sự cảm thông với những rung động thầm kín tinh vi ẩn tàng trong thiên nhiên, tạo vật ; ở *Thơ duyên* là cảm giác về một "bài thơ tình" của trời đất, trong đó có sự giao hoà, sự kết duyên, hoạ vần của vạn vật và lòng người.

8. *Đây thôn Vĩ Dạ* là một niềm khao khát cái đẹp lí tưởng, trinh trắng, tinh khôi mà không sao đạt tới được ; ở *Tràng giang* là nỗi buồn của cái tôi cô đơn trước trời rộng sông dài ; ở *Tương tư* là một mối tình "chân quê".

9. Hai bài nghị luận đều dùng lí lẽ để thuyết phục. Điều khác là, ở bài *Một thời đại trong thi ca*, lí lẽ dựa trên sự cảm thụ văn chương (nghĩa là một hình thái nhận thức dựa trên phản ứng về tình cảm, cảm xúc trước cái đẹp), vì thế nhiều khi phải dùng hình ảnh mới diễn tả được (dẫn chứng).

10. Đọc kĩ bài *Nhật kí trong tù của Hồ Chí Minh* trong sách giáo khoa.

Hoàn cảnh ra đời : phân tích bài *Mở đầu tập Nhật kí* (*Khai quyển*), Đặng Thai Mai gọi là "câu chuyện vạn bất đắc dĩ" ; nội dung chủ yếu gồm hai đối tượng phản ánh và biểu hiện : chế độ nhà tù và một phần xã hội Trung Quốc những năm 1942 - 1943, và *cái tôi* Hồ Chí Minh (bức chân dung tinh thần tự hoạ). Thể loại : thơ Đường luật ; phong cách : thống nhất hài hoà nhiều điều tưởng như trái ngược.

11. Chú ý đến diễn biến tâm trạng của tác giả từ câu đầu đến câu kết của bài thơ. Chủ nghĩa nhân đạo thể hiện ở chỗ quên đi nỗi khổ rất lớn của mình (phân tích hoàn cảnh sáng tác của bài thơ), sẵn sàng chia sẻ niềm vui giản dị, đời thường của người dân lao động.

12. Chú ý đến câu kết của bài thơ đã tạo ra được một đòn đả kích bất ngờ và sâu sắc, đích đáng.

13. Đoạn trích *Người cầm quyền khôi phục uy quyền* : dùng thủ pháp đối lập và phóng đại, tạo nên những tính cách khác thường và đẩy mâu thuẫn kịch tính đến căng thẳng. Đoạn trích *Đám tang lão Gô-ri-ô* : trần thuật khách quan bình thản với những chi tiết có ý nghĩa thể hiện thái độ dửng dưng hết sức tàn nhẫn của bọn tư sản, quý tộc. *Người trong bao* : trần thuật có vẻ bình thản khách quan với những chi tiết vặt vãnh đời thường, nhưng ẩn giấu một nụ cười châm biếm sâu sắc đối với gã viên chức hèn hạ mà nỗi sợ hãi đối với cấp trên lớn đến mức khiến hắn luôn luôn phải co rúm người lại trong nhiều lớp bao về vật chất và tinh thần.

14. Cả ba tác phẩm đều ngợi ca tình yêu

– *Tôi yêu em* : tình yêu cao thượng.

– *Bài thơ số 28* : tình yêu – một tình cảm vĩ đại, vô biên, đầy bí ẩn.

– *Tình yêu và thù hận* : tình yêu dũng cảm, bất chấp thù hận.